

Bản án số: 14/2024/HNGĐ-ST

Ngày 05 – 02 – 2024

Về việc xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Hà Trọng Tâm.

- Ông Võ Thanh Liêm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Xuân Thùy Dương, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 05 tháng 02 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 541/2023/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2023 về việc xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 341/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Trúc P; sinh năm 1984 (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Trần Văn B; sinh năm 1974 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: ấp B, xã T, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và quá trình giải quyết vụ án được bổ sung tại phiên tòa, chị Phạm Trúc P trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Trần Văn B chung sống vợ chồng vào năm 2001, đến năm 2002 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Năm Căn, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau nhưng do có sai sót về chữ lót và năm sinh nên đến ngày 27/5/2009 đăng ký lại tại Ủy ban nhân dân thị trấn Năm Căn, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau quyển số 01/2009, số 84. Trong quá trình chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, anh B không trách nhiệm với gia đình, không quan tâm vợ và các con, tài chính kinh tế do chị gánh vác toàn bộ, anh B rượu chè, bạo lực gia đình, bạo lực tinh thần không cho chị tiếp xúc với bất kỳ ai và đã ly thân từ năm 2019. Nay chị xét thấy cuộc sống không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, không còn tình cảm nên chị yêu cầu ly hôn anh B.

Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Hạ Q, sinh ngày 28/01/2002; Trần Tiến T, sinh ngày 27/9/2008, hiện 02 cháu đang sống với anh chị. Khi ly hôn, cháu Q đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu T chị đồng ý

giao anh B tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu T mỗi tháng 6.000.000đ.

Tài sản chung: Chị xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị khai không nợ ai và không ai nợ lại anh, chị.

- Đối với anh Trần Văn B, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết hợp lệ nhiều lần đến phiên tòa để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử vụ án nhưng anh B vẫn không có mặt để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Trần Văn B đã được tổng đạt, niêm yết hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng anh vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Phạm Trúc P và anh Trần Văn B chung sống vợ chồng vào năm 2001, đến năm 2002 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Năm Căn, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau nhưng do có sai sót về chữ lót và năm sinh nên đến ngày 27/5/2009 anh chị đăng ký kết hôn lại thể hiện tại số 84, quyển số 01/2009 nên hôn nhân hợp pháp và được pháp luật công nhận bảo vệ. Trong quá trình chung sống theo chị P trình bày thường xảy ra mâu thuẫn, anh B không trách nhiệm với gia đình và các con, tài chính kinh tế do chị gánh vác toàn bộ, anh B rượu chè, bạo lực tinh thần, bạo lực gia đình, không cho chị tiếp xúc với bất kỳ ai và đã ly thân từ năm 2019. Nay chị xét thấy cuộc sống không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, không còn tình cảm nên chị yêu cầu ly hôn anh B. Đối với anh B không đến Tòa án tham gia phiên tòa, cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến về việc chị P xin ly hôn. Xét thấy: Đời sống hôn nhân của anh, chị đã không còn, mâu thuẫn là có xảy ra, anh B không có biện pháp hàn gắn vợ chồng, vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị P, cho chị được ly hôn anh B.

[3] Về con chung: Chị P xác định có 02 con chung tên Trần Hạ Q, sinh ngày 28/01/2002; Trần Tiến T, sinh ngày 27/9/2008. Khi ly hôn, cháu Q đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu T chị đồng ý giao cho anh B tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh B không đến Tòa án cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến về việc nuôi dưỡng chăm sóc, con chung. Xét thấy, hiện cháu T đang sống với chị P, anh B, nguyện vọng cháu T cũng muốn sống với cha nếu cha mẹ ly hôn và tránh xáo trộn cuộc sống sinh hoạt nên Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu T cho anh B tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Đối với cháu Trần Hạ Q đã trưởng thành nên không đặt ra trách nhiệm nuôi dưỡng. Chị P không trực tiếp nuôi con được quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa, chị P đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu T mỗi tháng 6.000.000đ. Anh B không gửi văn bản trình bày về mức cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, cấp dưỡng nuôi con là trách nhiệm của cha mẹ, căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng nên mức đóng góp

phí tổn nuôi dưỡng, giáo dục con với số tiền 6.000.000đ/tháng theo sự tự nguyện của chị P là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận cần buộc chị P cấp dưỡng nuôi cháu T mỗi tháng 6.000.000đ.

[5] Về tài sản chung: Chị P xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập xem xét;

[6] Về nợ chung: Chị P khai vợ, chồng không nợ ai và không ai nợ lại vợ, chồng nên không đặt ra giải quyết.

[7] Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, án phí cấp dưỡng theo quy định tại điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Phạm Trúc P về việc xin ly hôn anh Trần Văn B.

- Về con chung: Giao cháu Trần Tiến T, sinh ngày 27/9/2008 cho anh Trần Văn B tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Phạm Trúc P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu T mỗi tháng 6.000.000đ cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày anh B có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị P không tự nguyện thi hành xong khoản tiền cấp dưỡng, thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản lãi phát sinh theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Đối với cháu Trần Hạ Q đã trưởng thành không đặt ra trách nhiệm nuôi dưỡng.

Chị Phạm Trúc P có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Chị P khai không có.

- Về nợ chung: Chị P khai không có.

- Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình, chị Phạm Trúc P phải chịu 300.000đ. Ngày 03 tháng 10 năm 2023, chị P đã dự nộp tiền tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai số 0008339 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau nên được đối trừ chuyển thu sung công quỹ nhà nước.

+ Án phí cấp dưỡng nuôi con chị Phạm Trúc P phải nộp 300.000đ (Chưa nộp).

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp.Cà Mau;
- Các đương sự;
- UBND TT Năm Căn, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)
Lê Thị Thu**